



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Thông tin chung

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002907 ngày 07/08/2009, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 29/10/2018 với mã số doanh nghiệp mới là 0200165520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Trinh Xá, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 190.000.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn./.*).

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Trần Ngọc Đức

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lại Văn Trác	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Quỳnh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Đức	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2021)
Bà Lê Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC - Chi nhánh Hà Nội (Trụ sở: Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Điện thoại: 02432242403; Fax: 02432242402; Website: www.aac.com.vn; Email: aac.hn@aac.com.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Ngọc Đức

Chủ tịch

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: 20/2022/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Thủy Nguyên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18/03/2022, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2021. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Đến thời điểm lập báo cáo này, số dư một số khoản công nợ tại ngày 31/12/2021 của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, chi tiết tỷ lệ các khoản công nợ đã được đối chiếu, xác nhận như sau: Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 75,4%; Trả trước cho người bán ngắn hạn: 12,41%; Phải trả người bán: 92,5%; Các khoản ký cược, ký quỹ: 0%. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận.

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04. 3224 2403 / 04. 6666 6369
Email: aac.hn@aac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Trong năm, Công ty hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) gói thầu “Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên” trong đó bao gồm các chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán công trình, chi phí giám sát thi công xây dựng, chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, thẩm tra dự toán công trình với tổng số tiền 989.324.000 đồng, tuy nhiên chúng tôi chưa thu thập được hồ sơ nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT, sản phẩm của hợp đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về việc hạch toán nguyên giá TSCĐ đối với các chi phí nêu trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Thủy Nguyên tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số “V.12. Vốn chủ sở hữu”, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi với số tiền 2,4 tỷ đồng mà chưa có phê duyệt của Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính “V.7. Tài sản cố định hữu hình”, Công ty hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) gói thầu “Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên” với số tiền 12.725.421.234 đồng, căn cứ các Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành của gói thầu và thực tế sử dụng tài sản; chúng tôi thực hiện kiểm toán theo phạm vi kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số

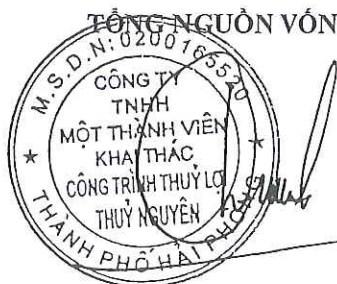
2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.564.213.406	28.695.310.023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.742.654.294	3.403.665.828
1. Tiền	111		8.742.654.294	3.403.665.828
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.322.468.635	23.267.829.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	16.285.953.985	26.392.795.467
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.086.856.873	1.346.790.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	124.752.900	3.339.000
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	V.4	(4.175.095.123)	(4.475.095.123)
IV. Hàng tồn kho	140		499.048.076	2.023.772.450
1. Hàng tồn kho	141	V.5	499.048.076	2.023.772.450
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.401	42.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		42.401	42.401
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		253.679.625.355	253.406.211.818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		252.952.708.205	241.815.159.129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	252.952.708.205	241.815.159.129
- Nguyên giá	222		275.686.116.534	263.197.580.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.733.408.329)	(21.382.421.171)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	10.929.332.489
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	10.929.332.489
VI. Tài sản dài hạn khác	260		726.917.150	661.720.200
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	726.917.150	661.720.200
TỔNG TÀI SẢN	270		276.243.838.761	282.101.521.841

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.002.306.782	26.733.787.385
I. Nợ ngắn hạn	310		16.002.306.782	26.733.787.385
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	14.459.432.193	23.956.752.833
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	3.505
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	813.234.116	798.170.574
4. Phải trả người lao động	314		299.700.000	264.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	202.240.971	604.687.971
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	56.282.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		171.417.502	1.110.172.502
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.241.531.979	255.367.734.456
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	256.294.365.395	253.770.309.453
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.770.309.453	253.770.309.453
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.524.055.942	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.524.055.942	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.947.166.584	1.597.425.003
1. Nguồn kinh phí	431		1.000.000.000	(1.349.741.581)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.947.166.584	2.947.166.584
TỔNG NGUỒN VỐN	440		276.243.838.761	282.101.521.841



Trần Ngọc Đức
Chủ tịch
Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Giang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2021	Năm 2020
	số	minh	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	48.539.612.163	48.586.066.665
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	48.539.612.163	48.586.066.665
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.218.647.005	38.737.142.326
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.320.965.158	9.848.924.339
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27.212.682	154.398.104
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	9.913.853.577	8.946.199.766
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.434.324.263	1.057.122.677
11. Thu nhập khác	31		-	51.050.244
12. Chi phí khác	32		6.692.243	74.759.337
13. Lợi nhuận khác	40		(6.692.243)	(23.709.093)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.427.632.020	1.033.413.584
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	501.270.960	154.045.563
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.926.361.060	879.368.021



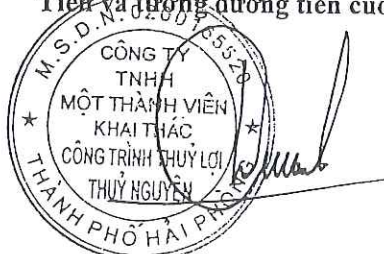
Trần Ngọc Đức
Chủ tịch
Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Giang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	5.427.632.020	1.033.413.584
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.587.872.158	847.195.482
- Các khoản dự phòng	3	(300.000.000)	(97.570.635)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(27.212.682)	(146.550.634)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	6.688.291.496	1.636.487.797
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	10.245.360.709	(3.279.671.432)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	1.524.724.374	959.409.802
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	(10.893.023.267)	10.559.916.434
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(65.196.950)	(603.229.200)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(180.000.000)	(270.424.981)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.221.013.500	3.605.165.961
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.900.112.910)	(3.939.568.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.641.056.952	8.668.086.108
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.329.281.168)	(11.219.603.489)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.212.682	154.398.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.302.068.486)	(11.065.205.385)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.338.988.466	(2.397.119.277)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.403.665.828	5.800.785.105
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	8.742.654.294	3.403.665.828



Trần Ngọc Đức
Chủ tịch
Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Giang
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên (sau đây được gọi là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002907 ngày 07/08/2009, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 29/10/2018 với mã số doanh nghiệp mới là 0200165520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Trinh Xá, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn./.).

2. LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho dân sinh;
- Sửa chữa, tu bổ xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Buôn bán vật liệu xây dựng và các ngành nghề khác.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí; thi công xây dựng theo hợp đồng.

3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

4. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền.

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Đối với các công trình sửa chữa nâng cấp công theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 40
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước
- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...)
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Giá trị khấu hao các Máy bơm điện, Nhà quản lý Cổng được phân bổ vào chi phí hoạt động công ích thủy lợi theo hướng dẫn tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP.

6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước là các khoản trả trước chi phí cho nhiều kỳ kế toán và giá trị còn lại công cụ, dụng cụ bao gồm các loại công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước, giá trị còn lại của công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ cung cấp nước thô, doanh thu xây lắp.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

9. THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động cung cấp nước thô của Công ty là 5%, hoạt động xây lắp là 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, cấp nước nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận tính thuế năm 2021 được xác định bằng tổng lợi nhuận kế toán nhân với tỷ lệ phân bổ lợi nhuận được xác định cho hoạt động chịu thuế, có loại trừ các khoản chi phí không phù hợp quy định về thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật và quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.000.719.286	1.021.271.114
Tiền gửi ngân hàng	7.741.935.008	2.382.394.714
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	8.742.654.294	3.403.665.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	16.285.953.985	26.392.795.467
- Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	2.960.321.662	2.960.321.662
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	1.107.335.190	1.464.392.400
- Sở Nông nghiệp và PTNT TP Hải Phòng	2.154.600.000	-
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng-CTCP	-	7.413.722.232
- Công ty Cổ phần Shinec	430.296.000	4.361.363.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Duyên Hải - CTCP - Xí nghiệp 359	2.863.870.000	3.063.870.000
- Công ty CP Xây dựng và vận tải Thăng Long	1.967.647.000	1.967.647.000
- Các đối tượng khác	4.801.884.133	5.161.479.173
Cộng	16.285.953.985	26.392.795.467

3. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	124.752.900	-	3.339.000	-
- Các khoản ký cược, ký quỹ	121.413.900	-	-	-
- Phải thu khác	3.339.000	-	3.339.000	-
Cộng	124.752.900		3.339.000	

4. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	4.175.095.123	-	4.475.095.123	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	976.733.307	-	1.276.733.307	-
Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	2.960.291.662	-	2.960.291.662	-
Các đối tượng khác	238.070.154	-	238.070.154	-
Cộng	4.175.095.123	-	4.475.095.123	-

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**
Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	447.335.173	-	379.339.847	-
Công cụ, dụng cụ	51.712.903	-	31.131.603	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.613.301.000	-
Cộng	499.048.076	-	2.023.772.450	-

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dài hạn	726.917.150	661.720.200
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	514.430.150	206.534.500
- Chi phí bảo hiểm	6.969.000	6.900.000
- Kinh phí cấp phép khai thác sử dụng mặt nước	150.666.000	301.333.000
- Chi phí lập định mức kinh tế kỹ thuật	47.054.500	94.109.500
- Chi phí khác	7.797.500	52.843.200
Cộng	726.917.150	661.720.200

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**
Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

01/01/2021	254.685.485.906	6.447.660.394	1.458.940.000	605.494.000	263.197.580.300
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	12.725.421.234	-	-	-	12.725.421.234
- Thanh lý, nhượng bán	(218.165.000)	(18.720.000)	-	-	(236.885.000)
31/12/2021	267.192.742.140	6.428.940.394	1.458.940.000	605.494.000	275.686.116.534

HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2021	16.790.709.796	3.123.489.972	1.228.905.307	239.316.096	21.382.421.171
- Khấu hao trong năm	1.033.597.058	364.137.900	104.800.000	85.337.200	1.587.872.158
- Thanh lý, nhượng bán	(218.165.000)	(18.720.000)	-	-	(236.885.000)
31/12/2021	17.606.141.854	3.468.907.872	1.333.705.307	324.653.296	22.733.408.329

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2021	237.894.776.110	3.324.170.422	230.034.693	366.177.904	241.815.159.129
31/12/2021	249.586.600.286	2.960.032.522	125.234.693	280.840.704	252.952.708.205

(*) Tạm tăng giá trị tài sản cố định (TSCĐ) gói thầu “Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên” do đưa TSCĐ hoàn thành đầu tư vào sử dụng.

Nguyên giá của Tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 2.912.651.318 đồng.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**
Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.459.432.193	14.459.432.193	23.956.752.833	23.956.752.833
Công ty CP Đầu tư XD Haco Hải Phòng	1.924.195.000	1.924.195.000	4.951.168.194	4.951.168.194
Công ty TNHH MTV Dịch vụ TM Vận tải Hải Nam	-	-	1.690.860.000	1.690.860.000
Công ty Cổ phần xây dựng GM	2.183.768.288	2.183.768.288	2.377.003.543	2.377.003.543
Công ty CP XD Thương mại An Bảo	1.359.000.000	1.359.000.000	1.359.000.000	1.359.000.000
Công ty CP Thương mại dịch vụ và Xây lắp Hải Phòng	1.438.584.000	1.438.584.000	-	-
Công ty CP Thương mại tổng hợp và XD Việt Trung	1.059.100.000	1.059.100.000	529.013.000	529.013.000
Các đối tượng khác	6.494.784.905	6.494.784.905	13.049.708.096	13.049.708.096
Cộng	14.459.432.193	14.459.432.193	23.956.752.833	23.956.752.833

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	539.077.094	2.004.555.427	2.335.311.655	208.320.866
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	32.636.619	501.270.960	180.000.000	353.907.579
Thuế Thu nhập cá nhân	-	12.929.130	12.929.130	-
Thuế Tài nguyên	226.456.861	1.224.431.630	1.199.882.820	251.005.671
Thuế, phí khác	-	93.475.000	93.475.000	-
Cộng	798.170.574	3.836.662.147	3.821.598.605	813.234.116

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
Thuế Thu nhập cá nhân	42.401	-	-	42.401
	42.401	-	-	42.401

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN**
Xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	202.240.971	604.687.971
- Kinh phí công đoàn	14.952.971	14.952.971
- Ngân sách cấp bù miễn Thủy lợi phí	46.575.000	-
- Phải trả Ngân sách theo Biên bản Thanh tra Sở Tài chính	-	503.000.000
- Nhận ký quỹ của các nhà thầu	40.024.000	-
- Phải trả phải nộp khác	100.689.000	86.735.000
Cộng	202.240.971	604.687.971

11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	56.282.000	-
- Công trình: Cầu Xưa - Lắp đặt khe van thép	56.282.000	-
Cộng	56.282.000	-

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	242.802.677.774	619.081.903	-	243.421.759.677
- Tăng vốn trong năm	10.976.966.679	-	-	10.976.966.679
- Lãi trong năm	-	-	879.368.021	879.368.021
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(795.519.408)	(795.519.408)
- Giảm khác	(9.335.000)	(619.081.903)	(83.848.613)	(712.265.516)
31/12/2020	253.770.309.453	-	-	253.770.309.453
01/01/2021	253.770.309.453	-	-	253.770.309.453
- Lãi trong năm	-	-	4.926.361.060	4.926.361.060
- Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
- Giảm khác	-	-	(2.305.118)	(2.305.118)
31/12/2021	253.770.309.453	-	2.524.055.942	256.294.365.395

(*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng chưa phê duyệt khoản phân phối lợi nhuận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.539.612.163	48.586.066.665
- Doanh thu phần thủy lợi phí	19.491.510.000	21.992.613.000
- Doanh thu xây dựng, sửa chữa công trình	11.042.736.363	10.894.285.455
- Doanh thu bán vật tư	270.000	22.876.410
- Doanh thu bán nước thô	18.005.095.800	15.676.291.800
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.539.612.163	48.586.066.665

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Giá vốn thủy lợi phí, bán nước thô	22.160.586.551	28.136.749.383
- Giá vốn xây dựng công trình	11.057.960.454	10.578.488.175
- Giá vốn hàng bán vật tư	100.000	21.904.768
Cộng	33.218.647.005	38.737.142.326

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.212.682	154.398.104
Cộng	27.212.682	154.398.104

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	9.913.853.577	8.946.199.766
- Chi phí nhân viên quản lý	6.207.672.160	6.039.821.777
- Chi phí đồ dùng văn phòng	632.663.650	465.057.600
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	954.817.000	273.646.816
- Thuế và các khoản lệ phí	1.330.550.630	1.303.558.210
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(300.000.000)	(97.570.635)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	344.136.637	253.288.848
- Chi phí bằng tiền khác	744.013.500	708.397.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.427.632.020	1.033.413.584
Các khoản chi phí không được trừ	6.692.243	66.911.867
- Tiền phạt hành chính thuế, BHXH	6.692.243	1.669.508
- Chi phí bảo hiểm xã hội của năm trước	-	65.242.359
Các khoản thu nhập không chịu thuế	2.927.969.463	-
- Thu nhập dịch vụ thủy lợi	2.927.969.463	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.506.354.800	1.100.325.451
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN của năm	-	220.065.090
Giảm 30% theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	(66.019.527)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	501.270.960	154.045.563

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay-nếu có, trừ số dư khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.11.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.646.720.193	-	14.646.720.193
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	14.646.720.193	-	14.646.720.193
01/01/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	24.546.488.385	-	24.546.488.385
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	24.546.488.385	-	24.546.488.385

Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Theo đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.742.654.294	-	8.742.654.294
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.235.611.762	-	12.235.611.762
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	20.978.266.056	-	20.978.266.056
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.403.665.828	-	3.403.665.828
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.396.134.467	-	26.396.134.467
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	29.799.800.295	-	29.799.800.295

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên đã được kiểm toán, sau đó tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo văn bản của UBND TP Hải Phòng phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Biên bản thẩm tra báo cáo tài chính năm 2020 của Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng.



Trần Ngọc Đức
Chủ tịch

Hải Phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Lê Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Giang
Người lập